HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **XÃ CÔN MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2026/NQ-HĐND	*Côn Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Côn Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 148/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 158/TTr-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Côn Minh; Báo cáo thẩm tra số 80/BC-KTNS ngày 14 tháng 9 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân xã Côn Minh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Côn Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định tổng mức chi, nội dung chi, mức chi, định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã Côn Minh.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã Côn Minh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ hoặc tham gia xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Côn Minh.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung chi, mức khoán chi và định mức khoán chi đối với công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân xã và Ủy ban nhân dân xã

1. Tổng mức chi cho xây dựng văn bản mới hoặc thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, quyết định của Ủy ban nhân dân xã như sau:

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã là 10.000.000 đồng/01 văn bản.

b) Quyết định của Ủy ban nhân dân xã là 8.000.000 đồng/01 văn bản.

2. Nội dung chi, mức khoán chi cho từng nhiệm vụ đối với xây dựng văn bản mới hoặc thay thế nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã, quyết định của Ủy ban nhân dân xã là văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Danh mục hoạt động, sản phẩm và định mức khoán chi trong công tác soạn thảo; thẩm định; tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết Hội đồng nhân dân xã và quyết định của Ủy ban nhân dân xã thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng bằng tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục I; bằng định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 60% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

5. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% tổng mức chi và mức khoán chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục I; bằng 30% định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động trong công tác soạn thảo, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ, thẩm tra, trình cấp có thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật tương ứng tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

6. Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan thẩm định; cơ quan tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế, tham chiếu định mức khoán chi cho từng lĩnh vực hoạt động tương ứng với các sản phẩm tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này để quyết định mức chi đối với từng hoạt động, sản phẩm do đơn vị mình thực hiện, bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả và không vượt mức khoán chi cho nhiệm vụ được giao quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

7. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì nội dung nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện theo đúng quy định trước thời điểm quyết định thay đổi, tạm dừng hoặc chấm dứt được thanh, quyết toán theo sản phẩm là kết quả nhiệm vụ, hoạt động đã thực hiện, tương ứng định mức khoán chi quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí thực hiện Nghị quyết này do ngân sách xã bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của các cơ quan, đơn vị được giao

nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và các đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

2. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Côn Minh khóa XXI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, kỳ họp thứ Bảy (Kỳ họp để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất) thông qua ngày 15 tháng 9 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Cương

Phụ lục I

MỨC KHOÁN CHI CHO TỪNG NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI XÂY DỰNG VĂN BẢN MỚI, THAY THẾ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Côn Minh)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Loại văn bản	Tổng mức chi	Nhiệm vụ soạn thảo[1]	Nhiệm vụ thẩm định[2]	Nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình HĐND, UBND[3]	Nhiệm vụ thẩm tra, trình thông qua[4]
1	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã	10.000	6.500	1.500	1.000	1.000
2	Quyết định của Ủy ban nhân dân xã	8.000	5.500	1.500	1.000	

[1] Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị dự toán.

[2] Văn phòng HĐND&UBND xã là đơn vị dự toán

[3] Văn phòng HĐND&UBND xã là đơn vị dự toán

[4] Văn phòng HĐND&UBND xã là đơn vị dự toán

Phụ lục II

DANH MỤC HOẠT ĐỘNG, SẢN PHẨM VÀ ĐỊNH MỨC KHOÁN CHI TRONG CÔNG TÁC SOẠN THẢO; THẨM ĐỊNH; TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ, THẨM TRA, TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Côn Minh)

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (nghìn đồng)	
			Nghị quyết của HĐND xã	Quyết định của UBND xã
I	**NHIỆM VỤ SOẠN THẢO**			
1	Xây dựng Tờ trình của cơ quan chủ trì soạn thảo trình Ủy ban nhân dân xin chủ trương xây dựng dự thảo văn bản; Tờ trình đăng ký xây dựng dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân; dự thảo Tờ trình và các tài liệu có liên quan.	Dự thảo Tờ trình/Tờ trình	1.000	1.000
2	Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (dự thảo sơ bộ, dự thảo do Tổ soạn thảo thống nhất và dự thảo báo cáo lãnh đạo cơ quan chủ trì soạn thảo trước khi xin ý kiến, đăng tải công khai hoặc đánh giá tác động ảnh hưởng)	Dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	2.500	2.000
3	Các nhóm hoạt động liên quan đến tổ chức lấy ý kiến dự thảo, đăng tải trên môi trường điện tử, bao gồm:		1.500	1.300
3.1	*Xây dựng bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo*	*Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo*	*500*	*400*
3.2	*Xây dựng bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý*	*Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý*	*500*	*400*

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (nghìn đồng)	
			Nghị quyết của HĐND xã	Quyết định của UBND xã
3.3	*Chi hỗ trợ cho các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)*[5]	*Văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị*	*500*	*500*
4	Xây dựng báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu giải trình ý kiến thẩm định	500	400
5	Xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	Báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra	500	400
6	Hoàn thiện dự thảo văn bản sau thẩm định	Dự thảo văn bản được hoàn thiện sau thẩm định	500	400
Tổng I			***6.500***	***5.500***
II	**NHIỆM VỤ THẨM ĐỊNH**			
	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã thẩm định độc lập hoặc tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định hoặc lấy ý kiến thẩm định bằng văn bản. Trường hợp tổ chức Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã mời đại diện phòng Kinh tế, phòng Văn hóa - Xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan, chuyên gia,… tham gia cuộc họp Tổ thẩm định hoặc cuộc họp thẩm định	Một hoặc một số sản phẩm như sau: - Dự thảo Báo cáo thẩm định sơ bộ của chuyên viên/ý kiến thẩm định của Phòng chuyên môn hoặc tổ thẩm định (nếu có) - Báo cáo thẩm định chính thức của Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã - Văn bản, biên bản họp - Ý kiến bằng văn bản hoặc ý kiến thể hiện trong biên bản cuộc họp	1.500	1.500

STT	Hoạt động	Sản phẩm	Định mức khoán chi (nghìn đồng)	
			Nghị quyết của HĐND xã	Quyết định của UBND xã
Tổng II			***1.500***	***1.500***
III	**TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ VÀ TRÌNH CẤP CÓ THẨM QUYỀN**			
1	Chuẩn bị tài liệu phục vụ phiên họp Ủy ban nhân dân xã; lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Phiếu lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã hoặc Kết luận của Ủy ban nhân dân xã.	500	500
2	Hoàn thiện hồ sơ sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã	Hồ sơ trình dự thảo văn bản quy phạm pháp luật sau khi có ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân xã, lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã.	500	500
	Tổng III		**1.000**	**1.000**
IV	**NHIỆM VỤ THẨM TRA, TRÌNH THÔNG QUA**			
1	Xây dựng báo cáo thẩm tra trình kỳ họp	Báo cáo thẩm tra	500	
2	Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và trình ký chứng thực, ban hành	Nghị quyết	500	
Tổng IV			***1.000***	
Tổng I + II + III + IV			***10.000***	***8.000***

[5] Mức chi hỗ trợ tại mục 3.3 là tổng kinh phí hỗ trợ tối đa cho tất cả các cơ quan, đơn vị có ý kiến góp ý (không bao gồm cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo)